

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST

Ngày 11-3- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đức;

Bà Tô Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Huy H ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 19/6/1984 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Số nhà 264, đường H, Tổ 24, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Trần Văn L và bà Trương Thị L. Tiền sự: Không. Tiền án: Bản án số 247/2012/HSST ngày 26/9/2012 Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử 30 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2012. Chấp hành xong án phí ngày 16/12/2012, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2014; Bản án số 100/2016/HSST ngày 15/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử 02 năm 06 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2015. Chấp hành xong án phạt tù ngày 08/6/2018. Nhân thân: Năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử 06 tháng tù về tội: “trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2005 theo bản án số 16/2005/HSST ngày 13/5/2005; Năm 2010 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng theo Quyết định số 1255/QĐ – UBND ngày 06/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, chấp hành xong ngày 30/5/2012. Bị tạm giữ từ ngày 27/11/2018 đến ngày 30/11/2018 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Trọng T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25/4/1984. Nơi cư trú: Số nhà 09, Tổ 41A, phường B , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Nghề nghiệp:

Lao động tự do. Con ông Nguyễn Trọng T và bà Đoàn Thị Y, có vợ là Bùi Thị T, có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2011 bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 197/QĐ – XPVPHC ngày 16/6/2011 của Công an thành phố Thái Bình; Năm 2013 bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội trong thời hạn 12 tháng, đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/11/2018 đến ngày 30/11/2018 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Bùi Thị T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số nhà 09, Tổ 41, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Có mặt).

*** Người chứng kiến:**

+ Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số nhà 05/6, Tổ 06, phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

+ Anh Phạm Như Th, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27/11/2018 Nguyễn Trọng T điều khiển xe máy Honda Airblade, biển số 17B9 – 231.21 đến nhà Trần Huy H. Tại nhà H, Th rủ H đi mua ma túy về sử dụng. Do Hà nói không có tiền nên Th đã đưa cho H 400.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. H nhận tiền của Th và hai bị cáo cùng đi mua ma túy. Th điều khiển xe máy chở H đến khu vực đường Phan Bá Vành, Tổ 38, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thì H bảo Th dừng xe đứng ngoài chờ, H đi bộ vào trong một ngõ nhỏ. Tại đây, H gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 35 tuổi, không biết tên, địa chỉ được 01 gói ma túy giá 400.000 đồng. H nhận gói ma túy, giấu vào miệng rồi đi bộ ra chỗ Th đang đứng chờ thì bị bắt quả tang.

Bị cáo H tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 gói bên ngoài gói bằng nilon màu đen, bên trong gói bằng giấy tráng kim màu trắng, bên trong có chất bột màu trắng dạng cục. Thu tại túi quần bên phải H đang mặc 01 điện thoại Viettel V6501. Thu tại túi quần hậu bên phải Th đang mặc 01 ví giả da màu nâu, bên trong có 105.000 đồng; 01 Chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Trọng T, thu tại túi quần bên phải của Th 01 điện thoại di động Nokia 110i. Kiểm tra xe máy Th điều khiển không thu giữ gì.

Tại bản Kết luận giám định số 4102/KLGĐ-PC09 ngày 27/11/2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có khối lượng 0,1580 gam (*Không thấy một nghìn năm trăm tám mươi gam*).

Tại bản cáo trạng số 24/KSĐT ngày 22/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Huy H về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ H nh vi như cáo trạng đã mô tả. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Trần Huy H phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp H nh hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2018. Tuyên bố Nguyễn Trọng T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm ckhoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Th từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp H nh hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2018. Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu của Trần Huy H hoàn trả sau giám định; trả lại nhưng quản lý để đảm bảo thi H nh án 01 điện thoại Viettel V6501 thu của Trần Huy H ; 105.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 110i thu của Nguyễn Trọng T. Trả lại Nguyễn Trọng T 01 ví giả da màu nâu; 01 Chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Trọng T, Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại xe máy Honda Airblade, biển số 17B9 – 231.21 cho chị Bùi Thị T.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Th đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận về các vấn đề khác, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo H tranh luận: trọng lượng ma túy 0,1580 gam không đủ định lượng để truy tố đối với hai người, H nh vi tàng trữ của các bị cáo với mục đích sử dụng cho bản thân nên chỉ đủ điều kiện đưa đi cai nghiện bắt buộc và từ chối nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về H nh vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến H nh tố tụng và người tiến H nh tố tụng. Do đó, các H nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H nh tố tụng, người tiến H nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ

vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục từ 22 đến 25); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (Bút lục 26); Bản kết luận giám định số 410/KLGD/PC09 ngày 27/11/2018 (Bút lục 32); lời khai của những người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở khẳng định: Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 27/11/2018 tại khu vực đường Phan Bá Vành, Tổ 38, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình Trần Huy H và Nguyễn Trọng T đã có H nh vi tàng trữ trái phép 0,1580 gam Heroine với mục đích để sử dụng. H nh vi của Trần Huy H và Nguyễn Trọng T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

....

o) Tái phạm nguy hiểm.

....

[3] H nh vi của các bị cáo Trần Huy H và Nguyễn Trọng T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến độc quyền quản lý các chất gây nghiện của nH nước, làm lan tràn tệ nạn ma túy trong cộng đồng, gây nhiều tác động xấu đến xã hội. Các bị cáo đều đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của H nh vi do mình thực hiện, nhưng vì mắc nghiện nên vẫn tàng trữ để sử dụng. Mặc dù bị cáo Trần Huy H cho rằng trọng lượng ma túy 0,1580 gam Heroine là của hai người như vậy chưa đủ định lượng như quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự để truy tố hai bị cáo, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo Th và bị cáo H cùng cố ý thực hiện việc mua ma túy về sử dụng, nên hai bị cáo là đồng phạm vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với H nh vi của người đồng phạm đã thực hiện. Bị cáo H thực hiện H nh vi phạm tội do cố ý khi đã tái phạm, chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự, do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Huy H về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự, truy tố Nguyễn Trọng T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hai bị cáo tiếp nhận ý chí và cùng nhau đi mua ma túy với mục đích chung là để sử dụng. Bị cáo Th là người khởi xướng và là người bỏ tiền ra để mua ma túy, bị cáo H là người trực tiếp giao dịch mua ma túy và tàng trữ nên hai bị cáo có vai trò ngang nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo H và bị cáo Th đều đã từng bị xử lý H nh chính nhưng đến nay đã hết thời gian bị coi là đã bị xử lý H nh chính. Bị cáo H từng bị kết án nhiều lần nhưng đã được xóa án tích, các bản án chưa được xóa án tích là tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự trong lần phạm tội này. Tại phiên tòa cả hai bị cáo Trần Huy H và Nguyễn Trọng T đều khai báo thành khẩn, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và cũng là để phòng ngừa chung. Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Theo quy định tại Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, số ma túy quản lý của Trần Huy H là vật nhà nước cấm lưu hành, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại Viettel V6501 thu của Trần Huy H ; 105.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 110i thu của Nguyễn Trọng T không liên quan đến H nh vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo nhưng quản lý để đảm bảo thi H nh án. Đối với 01 ví giả da màu nâu; 01 Chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Trọng T cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng T. Việc Cơ quan điều tra trả lại xe máy Honda Airblade, biển số 17B9 – 231.21 cho chị Bùi Thị T là đúng pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về các vấn đề khác: Về người phụ nữ mà H mua ma túy, H không biết tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Huy H .
Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng T.
Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Huy H và bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Huy H 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp H nh hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2018. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp H nh hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2018.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy tịch thu của Trần Huy H hoàn trả sau giám định được niêm phong trong phong bì số 410/KLGD-PC09.

Trả lại nhưng quản lý để đảm bảo thi H nh án: 01 điện thoại Viettel V6501 của bị cáo Trần Huy H , 105.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 110i của bị cáo Nguyễn Trọng T. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng T 01 ví giả da màu nâu; 01 Chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Trọng T. Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy Honda Airblade, biển số 17B9 – 231.21 cho chị Bùi Thị T, cư trú tại số nH 09, Tổ 41A, đường Ngô Thì Nhậm, phường B , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng đã được chuyển đến Chi cục thi H nh án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 22/01/2019 và 01 biên lai thu tiền số 0001346, đề ngày 22/01/2019).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Huy H và bị cáo Nguyễn Trọng T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Huy H và bị cáo Nguyễn Trọng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày 11/03/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H nh án theo quy định tại Điều 2 Luật thi H nh án dân sự thì người phải thi H nh án tự nguyện thi H nh án hoặc bị cưỡng chế thi H nh án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi H nh án dân sự; thời hiệu thi H nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi H nh án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Cơ quan điều tra CATP Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- NH tạm giữ CATP Thái Bình/Trại
Tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà